

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Bích Đ – Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Đ.H (Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Người được uỷ quyền: Ông Lê Văn Ch - Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Đ. H (Giấy uỷ quyền số 118/GUQ-NHNo-ĐH ngày 04/8/2020).

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn 7, xã Ngọc W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn 7, xã Ngọc W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hồng H đồng ý trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số tiền tính đến ngày 10/8/2020 là 707.680.138 đồng (*Bảy trăm linh bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn*

*một trăm ba mươi tám đồng*); Trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tổng cộng: 57.680.138 đồng (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn một trăm ba mươi tám đồng*). Nếu không trả nợ được số tiền trên thì anh H và chị H đồng ý để ngân hàng Agribank yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H xử lý tài sản: 02 quyền sử dụng đất đã thế chấp số BT 385486 vào sổ cấp GCN số GCN: CH01458, Quyền sử dụng đất số BT 385484 vào sổ cấp GCN số GCN: CH01456; 01 quyền sử dụng đất số CM 240210 vào sổ cấp GCN: CS00625 đã tín chấp. Trường hợp phát mãi 03 tài sản trên không đủ để trả số nợ trên cho ngân hàng, anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hồng H đồng ý phát mãi tiếp quyền sử dụng đất số BT 385485 vào sổ cấp GCN số GCN: CH01457 để thực hiện nghĩa trả nợ.

Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 385485 vào sổ cấp GCN số GCN: CH01457 anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hồng H đang giữ sổ gốc. Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hồng H cam kết sẽ không sử dụng quyền sử dụng đất trên để thực hiện bất kỳ giao dịch nào đến khi trả xong nợ cho ngân hàng Agribank.

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Hồng H không có khả năng chăm sóc tài sản gắn liền trên đất đối với 02 tài sản thế chấp, 01 tài sản tín chấp vì vậy sẽ không tiếp tục thực hiện chăm sóc. Anh H và chị H sẽ giao nguyên hiện trạng đất và tài sản trên đất cho ngân hàng Agribank và cam kết không làm thay đổi hiện trạng tài sản.

#### Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

Kể từ ngày tiếp theo (11/8/2020) anh Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Trần Văn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho Ngân hàng cho vay.

- Về chi phí tố tụng: anh Trần Văn H phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) số tiền 3.800.000 đồng (*Ba triệu tám trăm ngàn đồng chẵn*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn H phải chịu 16.153.603 đồng (*Mười sáu triệu một trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm linh ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) 15.978.000 đồng (*Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2016/0004309 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Quách Văn N**